

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

Bản án số: 52/2024/HS-PT
Ngày: 30-7-2024

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Quang Sơn

Các Thẩm phán: Ông Phạm Văn Tỉnh

Ông Lê Minh Đạt

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Phan Thị Thủy Tiên – Thư ký Tòa án

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:**

Ông **Đặng Hữu T** – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 50/2024/TLPT-HS ngày 26/6/2024 đối với bị cáo **Đặng Hoàng D** do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 29/2024/HS-ST ngày 22-5-2024 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách.

Bị cáo có kháng cáo: **Đặng Hoàng D**, sinh năm: 2001 tại tỉnh Bến Tre; Nơi cư trú: **Số E, ấp S, xã S, huyện C, tỉnh Bến Tre**; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ văn hóa: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; không rõ họ tên cha; mẹ: **Đặng Thị Kim H** (đã chết); bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: không; bị cáo tại ngoại (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 17 giờ ngày 10/12/2023, **Đặng Hoàng D** đi bộ sang nhà **Đặng Châu T1** ngụ **ấp S, xã S, huyện C, tỉnh Bến Tre** chơi. Khi đến nhà **T1** thấy cửa trước khóa, **D** đi vòng ra mở cửa sau vào nhà do biết **T1** thường không khóa cửa sau. **D** gọi nhưng không nghe **T1** trả lời, biết nhà không có ai, **D** nảy sinh ý định lấy trộm tiền để trả nợ nên đi đến cửa phòng ngủ của Triệu vận ổ khóa nhưng cửa bị khóa, **D** đưa ngón tay vào khe hở giữa cửa kính và ổ khóa giật mạnh một cái làm vỡ một mảnh kính rơi

xuống nền nhà tạo ra một lỗ thủng trên cửa kính. **D** đưa tay qua lỗ thủng vặn tay nắm cửa phía trong mở cửa đi vào phòng. Khi vào phòng **D** nhìn thấy phía bên trái có một bàn trang điểm, bên dưới có một ngăn tủ gắn sẵn chìa khóa, **D** mở ngăn tủ thấy bên trong có tiền với nhiều loại mệnh giá khác nhau và 01 hộp đựng trang sức, **D** lấy số tiền 46.283.000 đồng bỏ vào túi quần phía trước bên phải đang mặc, sau đó đóng cửa và đi về nhà bằng lối đi cũ, **D** đem số tiền lấy trộm để trên đầu tủ tại nhà. Ngày 11/12/2023, có người đến nhà đòi nợ, **D** đã lấy 45.000.000 đồng trả cho người đó và còn lại 1.283.000 đồng tiêu xài cá nhân hết. **Đặng Châu T1** sau khi đi lễ nhà thờ về phát hiện bị mất trộm tài sản nên ngày 12/12/2023 trình báo **Công an xã S, huyện C, tỉnh Bến Tre**. Do nghi ngờ **D** là người lấy trộm tiền nên **T1** gặp **D** nói chuyện và **D** thừa nhận hành vi lấy trộm số tiền 46.283.000 đồng.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 29/2024/HS-ST ngày 22-5-2024 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre đã quyết định: Tuyên bố bị cáo **Đặng Hoàng D** phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ Luật Hình sự; Xử phạt bị cáo **Đặng Hoàng D** 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án. Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về trách nhiệm dân sự, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 28/5/2024, bị cáo **Đặng Hoàng D** kháng cáo yêu cầu được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với nội dung bản án sơ thẩm và giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Quan điểm của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa đề nghị: chấp nhận kháng cáo của bị cáo, sửa bản án sơ thẩm. Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo **Đặng Hoàng D** 09 (chín) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” nhưng cho hưởng án treo; Thời gian thử thách là 18 (mười tám) tháng, tính từ ngày tuyên án phúc thẩm là ngày 30/7/2024.

Bị cáo không nói lời sau cùng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: đơn kháng cáo của bị cáo gửi đến Tòa án trong thời hạn kháng cáo phù hợp với quy định tại Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự nên được xem là hợp lệ. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng của cấp sơ thẩm. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng của cấp sơ thẩm đã thực hiện đều hợp pháp.

Về nội dung:

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với nội dung bản án sơ thẩm đã xác định rằng: Xuất phát từ động cơ vụ lợi, mục đích chiếm đoạt tiền của người khác để tiêu xài cá nhân nên vào khoảng 17 giờ ngày 10/12/2023 tại ấp S, xã S, huyện C, tỉnh Bến Tre, **Đặng Hoàng D** đã lén lút lấy của bị hại **Đặng Châu T1** số tiền 46.283.000 đồng (Bốn mươi sáu triệu hai trăm tám mươi ba nghìn đồng). Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã quy kết bị cáo phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm cho thấy việc Tòa án cấp sơ thẩm kết án đối với bị cáo là đúng người, đúng tội, không oan sai.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo yêu cầu được hưởng án treo, thấy rằng: Tòa án cấp sơ thẩm đã cân nhắc tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo theo quy định tại các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo 09 (chín) tháng tù là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo không được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nào mới. Đồng thời, bị cáo chiếm đoạt số tiền 46.283.000 đồng là gần mức định lượng cao nhất của khung hình phạt nên cần phải xử lý nghiêm để cách ly bị cáo ra khỏi cộng đồng xã hội trong một khoảng thời gian nhất định mới có đủ điều kiện cải tạo, giáo dục bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung trước thực trạng các tội phạm xâm phạm quyền sở hữu đang có chiều hướng gia tăng. Vì vậy, không có căn cứ để cho bị cáo hưởng án treo theo yêu cầu kháng cáo của bị cáo.

[4] Đối với quan điểm của Kiểm sát viên đã cân nhắc tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đề nghị xử phạt bị cáo 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo là chưa đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật nên không được chấp nhận.

[5] Về án phí hình sự phúc thẩm, theo quy định của pháp luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì bị cáo phải chịu do kháng cáo không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự; không chấp nhận kháng cáo của bị cáo; giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

1. Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo **Đặng Hoàng D** 09 (chín) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

2. Căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Áp dụng Điều 23 của Nghị

quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: án phí hình sự phúc thẩm bị cáo **Đặng Hoàng D** phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về trách nhiệm dân sự, án phí không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT I - Tòa án nhân dân tối cao (1b);
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh Bến Tre (1b);
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre (1b);
- Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách (3b);
- Công an và VKSND huyện Chợ Lách (2b);
- Chi cục THADS huyện Chợ Lách (1b);
- UBND xã Sơn Định, huyện Chợ Lách (1b);
- Bị cáo (1b);
- Phòng KTNV & THA, Tòa Hình sự, Văn phòng TAND tỉnh Bến Tre (5b);
- Lưu hồ sơ vụ án (1b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Quang Sơn